**BÀI: 28, 29**

**KỸ THUẬT SƠ CỨU VẾT THƯƠNG PHẦN MỀM**

**VÀ BĂNG BÓ VẾT THƯƠNG**

**Mã bài**: MĐ5.28\_29

**Chuẩn đầu ra bài học:**

1. Vận dụng được kiến thức về: mục đích, áp dụng, nguyên tắc, tai biến để giải thích được cho nạn nhân về tình trạng bệnh, thiết lập môi trường chăm sóc an toàn và hiệu quả (CĐRMĐ2,3)

2. Nhận định đúng, kịp thời các dấu hiệu nguy hiểm trên nạn nhân giả định để đưa ra hướng xử trí thích hợp (CĐRMĐ 2,3,4,5)

3. Áp dụng 6 kiểu băng cơ bản để băng từng vị trí trên cơ thể ở nạn nhân trong tình huống cụ thể, tôn trọng tính cá biệt của từng nạn nhân. (CĐRMĐ 2,3,4,5)

3. Lường trước được các tai biến có thể xảy ra với nạn nhân để có biện pháp phòng ngừa.(CĐRMĐ 4)

4. Vận dụng các kỹ năng giao tiếp để giải thích được với nạn nhân và người nhà trong quá trình cấp cứu và tiến hành các kỹ thuật chăm sóc. (CĐRMĐ 5)

5. Thể hiện sự tận tình và tác phong nhanh chóng, khẩn trương khi cấp cứu nạn nhân trong những tình huống lâm sàng cụ thể. (CĐRMĐ 5)

6. Hợp tác được với các thành viên trong nhóm, rèn luyện được tính chủ động, tích cực trong học tập (CĐRMĐ 6)

**Nội dung bài học:**

**A. Sơ cứu vết thương phần mềm**

**1. Định nghĩa Vết thương phần mềm:**

Vết thương là sự cắt đứt hay dập rách da và tổ chức dưới da hoặc các tổ chức khác của cơ thể. Vết thương có thể là vết thương kín hoặc vết thương hở.

Sơ cứu vết thương phần mềm là chăm sóc đầu tiên sau khi vết thương xảy ra( không có gãy xương) để hạn chế thương tổn và ngăn ngừa nhiễm khuẩn

**2. Phân loại vết thương:**Vết thương phần mềm bao gồm:

* Vết thương kín
* Vết thương hở
* Vết thương sạch
* Vết thương nhiễm khuẩn

**2.1 Vết thương kín**: Là loại vết thương để cho máu thoát ra ngoài hệ thống tuần hoàn nhưng không chảy ta khỏi cơ thể.

VD: Bầm tím, tụ máu dưới da hoặc không có dấu tích ở bên ngoài.

**2.2 Vết thương hở**: Là loại vết thương để cho máu chảy ra khỏi cơ thể. Loại này bao gồm các vết trích rạch, vết thương đâm xuyên hoặc thậm chí là vết trượt sây sát trên da.

Trên thực tế có nhiều loại vết thương vừa là vết thương kín vừa là vết thương hở.

2**.3 Vết thương sạch:** Là vết thương mới sảy ra, bề mặt VT ít chất tiết, mô còn tốt. Vết thương không quá 6h

**2.4. Vết thương nhiễm khuẩn**: Là vết thương có nhiều dịch tiết hôi, có mủ, có mô hoại tử

3**. Mục đích sơ cứu vết thương:**

* Cầm máu hoặc khống chế sự chảy máu.
* Phòng hoặc điều trị sốc
* Duy trì chức năng sống
* Tránh các biến chứng (đặc biệt là giảm các nguy cơ nhiễm khuẩn).

**4. Nguyên tắc khi sơ cứu vết thương**: Luôn phải đảm bảo nguyên tắc **3 không**

* **Không** được sát khuẩn.
* **Không** được thăm dò xem vết thương nông hay sâu.
* **Không** được cố lấy di vật

B. KỸ THUẬT BĂNG BÓ

**1. Mục đích băng bó:**

* Cầm máu: Băng ép trong vết thương phần mềm có chảy máu.
* Bảo vệ, che chở vết thương tránh cọ xát va chạm.
* Chống nhiễm khuẩn thứ phát, thấm hút dịch, máu mủ
* Phối hợp với nẹp để cố định xương gãy tạm thời
* Nâng đỡ các phần bị thương hay các bộ phận bị sa

**2. Nguyên tác khi băng.**

* Loại bỏ dị vật, rửa sạch vết thương bằng nước muối sinh lý hoặc nước sạch
* Đảm bảo vô khuẩn dụng cụ, bông băng gạc khi băng bó
* Thấm hút dịch máu mủ và ngăn ngừa nhiễm khuẩn
* Cuộn băng lăn sát cơ thể nạn nhân từ trái sang phải
* Băng từ dưới lên trên để hở các đầu chi cho tiện theo dõi lưu thông tuần hoàn.
* Băng chặ vừa phảit, vòng sau đè lên 1/2 - 2/3 vòng trước.
* Băng nhẹ nhàng, nhanh chóng, không làm đau đớn tổn thương thêm các tổ chức
* Vòng cố định có tác dụng để giữ băng, nút buộc băng tránh đè lên vết thương, đầu xương, mặt trong chân tay, chỗ bị tì đè, chỗ dễ cọ xát.
* Tháo băng cũ nhẹ nhàng, tránh làm tổn thương thêm vết thương, có thể dùng kéo cắt dọc vết thương.

**3. Các loại băng**

**\* Cấu tạo 1 cuộn băng gồm có 3 phần:**

**-** Đầu băng: Là phần băng được cuộn vào bên trong của cuộn băng.

- Thân băng: là phần băng đã được cuộn để tạo nên cuộn băng

- Đuôi băng: là phần ngoài của cuộn băng được trải ra khi chuẩn bị tiến hành kỹ thuật băng

\* **Kích thước trung bình của cuộn băng dùng cho người lớn:**

* Băng ngón tay: 2,5cm x 2m
* Băng cẳng tay, bàn tay: 5cm x 3m
* Băng cánh tay: 5-6cm x 6m
* Chân: 7-8cm x 7m
* Thân người: 10-15cm x 10m

**3.1. Băng cuộn.**

Băng cuộn là loại băng thường dùng để giữ vật liệu băng tại chỗ thường áp dụng băng ép để chặn đứng sự chảy máu, hạn chế cử động, cố định trong trường hợp gãy xương. Băng cuộn được làm bằng vải, vải thô, vải thưa, len hay vải thun, tùy theo từng vị trí tổn thương của cơ thể mà dùng loại băng thích hợp

* Băng gạc mịn: Thích hợp với cơ thể trẻ em
* Băng vải: Dùng để băng ép cố định và nâng đỡ

**3.2 Băng thun**

Băng thun được làm bằng sợi mút, loại băng này có thể dùng để băng nén ép cầm máu, giữ vật liệu băng tại chỗ và không bị xê dịch nhờ tính chất co giãn của nó.

**3.3 Băng cao su** (Băng Esmarch)

Bằng cao su được làm bằng cao su mỏng có độ chun giãn lớn, có chiều rộng khoảng từ 5-8cm, chiều dài từ 3-4m, loại băng này thường dùng trong phòng mổ khi phẫu thuật cắt đoạn chi hoặc dùng để garo cầm máu.

Một cuộn băng Esmarch gồm có 3 phần:

* Ðuôi băng: là phần chưa cuộn lại
* Ðầu băng: là phần lõi
* Thân băng: phần đã cuộn chặt

**3.4. Băng dính**

 Dùng trong các trường hợp có vết thương nhỏ, chảy máu ít, dùng thuận tiện nhưng không có tác dụng ép chặt.

**3.5. Băng tam giác**

Loại băng này đơn giản và nhanh chóng hơn băng cuộn, rất thích hợp cho các trường hợp cấp cứu.

Thường dùng để nâng đỡ che chở chi trên hay giữ yên vật liệu băng bó ở đầu, chân, tay.

**3.6. Băng dải**

Loại băng này dễ cố định tại các vị trí khác nhau nhưng khả năng ép chăt kém, băng dải gồm có băng chữ T hoặc băng nhiều dải.

**4. Các kiểu băng cơ bản và mô tả cách băng**

**4.1. Băng vòng khóa**

* Băng vòng là kiểu băng mà các vòng sau chồng khít lên vòng băng trước
* Loại băng này thường áp dụng băng ở trán, cổ.
* Băng vòng thường áp dụng để cố định băng trên tay bằng hai vòng khóa.

**4.2. Băng xoáy ốc**

* Khởi đầu bằng băng vòng khóa.
* Lăn tròn cuộn băng trên bộ phận cần băng từ trái sang phải.
* Ðường sau chếch lên trên và song song với những đường băng trước.Ðường sau chồng lên đường trước 1/2 hoặc 1/3 bề rộng cuộn băng.
* Kết thúc với 2 vòng tròn và cố định.
* Dùng để băng những chỗ đều nhau và dài trên cơ thể như cánh tay, ngón tay, nửa người trên.

**4.3 Băng rắn cuốn**

* Khởi đầu bằng băng vòng khóa
* Lăn tròn cuộn băng trên các bộ phận từ trái sang phải
* Đường sau chếch lên trên và không đè lên đường dưới, giữa hai đường có khoảng trống
* Kết thúc với 2 vòng tròn cố định.
* Thường áp dụng kiểu băng này để giữ gạc, nẹp

**4.4. Băng chữ nhân**

* Giống như băng xoáy ốc nhưng mỗi vòng đều gấp lại.
* Bắt đầu mối băng bằng 2 vòng tròn quanh phần cơ thể cần băng bó.
* Quấn 1vòng xoáy.
* Ngón cái tay trái đè lên chỗ định gấp giữ chặt vòng băng.
* Nới dài cuộn băng khoảng 15cm.
* Tay phải lật băng kéo xuống dưới và gấp lại.
* Sau đó quấn chặt chỗ băng, kết thúc với 2 vòng tròn và cố định.
* Ðể ý các phần lật đều nhau và khoảng cách đều nhau, không để chỗ gấp trên vết thương hay trên chỗ xương lồi.
* Thường áp dụng băng những chỗ thon không đều như cẳng tay, cẳng chân.

**4.5. Băng số 8**

* Bắt đầu bằng băng vòng khóa
* Các đường băng sau băng chéo và lần lượt thay đổi hướng lên và xuống mỗi lần cuốn vòng băng.
* Vòng sau chồng lên vòng trước 1/2 hoặc 2/3 làm thành hình số 8
* Kết thúc bằng 2 vòng băng cố định.

**4.6. Băng gấp lại (hồi quy)**

* Bắt đầu bằng băng vòng khóa
* Sau đó lật từ trước ra sau và từ sau ra trước
* Lần thứ nhất băng ở giữa
* Các lần sau tỏa dần ra 2 bên kiểu dẻ quạt, mỗi lần đều trở về chỗ bắt đầu gấp cho đến khi băng kín
* Kết thúc bằng 2 vòng cố định
* Thường áp dụng băng ở đầu, bàn tay không tách ngón, chi cắt cụt.

**5. Cách cố định băng trước khi kết thúc**

* Cố định bằng ghim kim an toàn.
* Cố định bằng móc sắt.
* Cố định bằng keo.
* Băng vải cố định bằng cách buộc nút, cắt đôi bề rộng băng, bề dài khoảng 15cm bắt chéo lại rồi vòng qua chi và buộc nút an toàn.

**6. Ứng dụng các kiểu băng cơ bản để băng các vết thương trên cơ thể**

**6.1 Băng ngón tay**

- Băng 2 vòng ở cổ tay (vòng khóa), kéo băng từ mu bàn tay đến gốc ngón tay định băng rồi tiến hành băng hình rắn quấn đến đầu ngón tay. Băng xoáy ốc trở về gốc ngón tay, băng từ gốc ngón tay trở về cổ tay sau đó băng 2 vòng cố định.

**6.2 Băng kín 5 ngón**

* Băng 2 vòng ở cổ tay (vòng khóa)
* Băng từ mu bàn tay đến gốc ngón cái ( nếu băng tay trái thì kéo đến ngón út) băng rắn quấn đến đầu ngón rồi cuộn 1 vòng.
* Băng xoáy ốc về đến gốc ngón tay rồi lại trở về bên mép bàn tay.
* Từ mu bàn tay lên đến ngón tay trỏ, băng kín theo cách trên lại trở về mép bàn tay. Cứ thế để băng tuần tự các ngón kế tiếp khác cho đến khi băng kín các ngón rồi băng 2 vòng ở cổ tay để cố định băng (nếu cần băng kín cả đầu ngón tay thì mỗi lượt băng đến đầu ngón đều dùng cách băng vòng gấp lại).

**6.3 Bàn tay**

* Mu và lòng bàn tay: Thứ tự cũng như băng kín năm ngón, nhưng mỗi lượt băng đến gốc ngón, không cần băng đến đầu ngón mà chỉ băng một vòng ở gốc ngón rồi trở về bên mép tay. Nếu băng lòng bàn tay thì phải băng chếch qua lòng bàn tay lên đến cuối ngón tay.
* Băng kín bàn tay:

+ Băng kín 4 ngón: băng đầu ngón tay theo cách băng vòng gấp lại. Ngón cái và ngón trỏ tay trái giữ lấy băng, cuộn 2 vòng.

+ Băng kín bàn tay theo kiểu số 8.

- Băng bàn tay để hở ngón:

+ Băng 2 vòng ở khớp đốt bàn và ngón.

+ Băng hình số 8 ở mu bàn tay

+ Băng chặt ở cổ tay

**6.4 Khuỷu tay**

* Băng 2 vòng ở khuỷu tay (vòng khóa)
* Băng theo hình số 8 bắt chéo ở phía trước khuỷu tay, vòng sau đè lên 1/2 hay 2/3 vòng băng trước.
* Băng 2 vòng ở cẳng tay rồi cố định băng.

**6.5 Vai**

* Băng kiểu hình số 8:

+ Băng 2 vòng khóa ở cánh tay (sát nách) bên vai bị thương.

+ Băng lên vai qua lồng ngực (nếu tay trái bị thương thì vòng qua sau lưng, luồn dưới nách bên đối diện rồi lại băng vòng qua lưng lên vai tổn thương.

+ Tiếp tục băng vòng ở cánh tay, bưng lên vai qua lồng ngực luồn dưới nách đối diện vòng qua lưng lên vai tổn thương cứ như thế băng cho đến kín vết thương rồi cố định băng ở cánh tay bên tổn thương.

**6.6 Bàn chân**

- Bàn chân để hở gót

- Băng gót chân

+ Băng 2 vòng khóa từ gót chân lên phía trên mu chân, tiếp tục băng từ cạnh mắt cá chéo qua mu chân xuống gan chân, băng kín 1/3 gót chân.

+ Băng từ gan chân qua mu chân bắt chéo với vòng trước, vòng đến cạnh mắt cá chân, băng hình số 8 băng dần lên mắt cá và mu chân, các vòng băng gặp nhau bắt chéo ở mặt trước mu chân, cho đến khi băng kín gót chân.

**6.7 Băng vùng đầu**

* Băng trán:

+ Bắt đầu từ trên tai phải, chếch qua phía trên trán, tai và xương chẩm về chỗ bắt đầu, băng thêm như thế 2 lần nữa để cố định.

+ Tiếp tục băng theo quy luật vòng sau đến chỗ trán thì thấp hơn vòng trước, đến chỗ xương chẩm (gáy) thì cao hơn vòng trước. Băng cho đến khi kín trán, vòng cuối cùng băng thêm một vòng nữa rồi cố định

* Băng đỉnh đầu bằng 2 cuộn:

+ Dùng cuộn băng thứ 1 băng vòng quanh trán chẩm làm vòng khóa

+ Cuộn băng thứ 2 băng từ giữa trán lên đỉnh đầu ra sau tới chẩm

+ Băng cuộn 1 đè lên cuộn 2 ở chẩm rồi vòng về phía trán.

+ Cứ thế tiếp tục cuộn băng 2 đi từ chẩm qua đỉnh đầu về trán (lan ra hai bên), cuộn băng 1 vòng quanh trán chẩm cho đến khi băng kín, cố định băng trước trán.

**7. Theo dõi biến đổi tuần hoàn chi sau khi băng**

Sau khi băng vết thương cho nạn nhân xong, trong một số trường hợp cần phải theo dõi người bệnh để phát hiện tai biến cản trở sự lưu thông tuần hoàn do băng quá chặt gây nên.

- Bình thường sau khi băng vết thương xong, nạn nhân không có cảm giác gì đặc biệt ngoài cảm giác đau tại vết thương.

- Nếu băng quá chặt làm ảnh hưởng đến sự lưu thông tuần hoàn tại vùng cơ thể có vết thương có thể phát hiện được bằng các dấu hiệu sau:

+ Hỏi: hỏi nạn nhân xem có cảm giác đau, nhức, khó chịu hoặc cử động khó ở nơi băng hoặc chi bị băng.

+ Nhìn: quan sát vùng băng thấy có biểu hiện phù nề, biến dạng hình dạng đầu các ngón của chi to hơn bình thường, màu sắc vùng băng cí màu tím đỏ hoặc thẫm (ứ huyết)

+ Sờ: đầu chi thấy lạnh, cấu véo người bệnh giảm cảm giác đau, bắt mạch ở phía dưới vùng tổn thương không được.

🡪 Xử trí nhanh chóng cởi băng, băng lại vừa phải, đảm bảo lưu thông tuần hoàn được tốt

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy, cố vấn học tập và quản lý phòng tự học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Họ và tên** | | **Số ĐT** | **Địa chỉ Email** |
| ***Giảng tại phòng thực hành*** | | |  |  |
|  | Ths. Vũ Đình | Tiến | 0912378570 | [Vudinhtienybm@gmail.com](mailto:Vudinhtienybm@gmail.com) |
|  | Ths. Nguyễn Quỳnh | Châm | 0962461181 | [Chamquynh881@yahoo.com](mailto:Chamquynh881@yahoo.com) |
|  | Ths. Nguyễn Hoàng | Chính | 0902196985 | [chinhnh@hotmail.com](mailto:chinhnh@hotmail.com) |
|  | CN. Đoàn Văn | Chính | 0974721412 | [Doanvanchinh88@gmail.com](mailto:Doanvanchinh88@gmail.com) |
|  | CN. Trịnh Thị Kim | Dung | 0983992415 | [kimdungtrinhbm@gmail.com](mailto:kimdungtrinhbm@gmail.com) |
| ***Cố vấn học tập*** | | |  |  |
|  | Ths. Vũ Thị Mai | Hoa | 0915432125 | [Hoahanhtung@yahoo.com](mailto:Hoahanhtung@yahoo.com).vn |
| ***Quản lý phòng tự học*** | | |  |  |
|  | CN. Đinh Thị Thu | Hương | 0912423463 | [Dinhhuong.coi79@gmail.com](mailto:Dinhhuong.coi79@gmail.com) |

**1. Chuẩn bị**

* Nghiên cứu Giải phẫu – Sinh lý phần có liên quan đến bài học kỹ thuật Sơ cứu vết thương và Băng bó.
* Nghiên cứu tài liệu, nghiên cứu tình huống và trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên trong các tình huống. (Sử dụng giấy A3 để trả lời câu hỏi, Viết tên SV trong nhóm phía sau hoặc bảng viết ra giấy A3).
* Làm việc nhóm
* Xem video các kỹ thuật điều dưỡng, nghiên cứu bảng kiểm để tìm ra bước quan trọng, bước khó, bước dễ sai lỗi, tai biến.
* Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học và học nhóm.
* Mạnh dạn liên hệ với giảng viên (cố vấn học tập) để được tư vấn, hỗ trợ về vấn đề tự học, tự nghiên cứu qua các địa chỉ Email, gọi điện ...
* Gửi sản phẩm tự học đến địa chỉ Email: Chuẩn bị các phương tiện trình bày, thảo luận nhóm khi đến lớp (bài chiếu slide hoặc bài viết ra giấy A3)
* Phân công người trình bày (luân phiên nhau).

TÌNH HUỐNG

**Trong 1 công trường đang thi công có 2 NN bị tai nạn lao động chảy rất nhiều máu, NN thứ 1 bị một vết thương ở bàn tay trên bề mặt vết thương có nhiều đất cát và chảy nhiều máu, Nạn nhân thứ 2 bị một thanh sắt đâm xuyên qua cẳng tay trái máu phun ra rất mạnh.**

**Câu hỏi:**

1. Trong tình huống trên mục đích của sơ cứu vết thương và băng bó là gì? Giải thích?

2. Khi sơ cứu vết thương và băng bó cho 2 nạn nhân trên bạn phải đảm bảo những nguyên tắc nào?

3. Tai biến nào có thể gặp phải đối với NN có vết thương đâm xuyên và cách phòng tránh?

4. Để tiến hành sơ cứu, băng bó cho 2 nạn nhân trên bạn cần phải chuẩn bị những dụng cụ nào?

5. Kiểu băng nào có thể áp dụng khi băng vết thương ở bàn tay?

***Tình huống 2:***

*Trong phân xưởng cắt có công nhân hét toáng lên và ôm chặt bàn tay phải chảy nhiều máu, qua quan sát bạn thấy chị công nhân kia bị trong lúc giữ sấp vải vào máy cắt đã không để ý máy cắt đã cắt đứt đúng đầu ngón 2,3,4 của bàn tay phải của chị và dập nát các đầu ngón tay khác, máu chảy ra rất nhiều.*

**II. Trả lời câu hỏi**

1. Đưa ra hướng xử trí ngay với NN này? Giải thích?
2. Trường hợp các ngón tay bị dập nát, bạn sẽ áp dụng kiểu băng nào? Vì sao?
3. Kể tên các kiểu băng cơ bản? Vị trí áp dụng các kiểu băng đó?
4. Đối với trường hợp vết thương phần mềm sau khi bạn băng bó cầm máu cho NN bạn cần khuyên nạn nhân làm gì? Vì sao?

**BẢNG KIỂM**

**KỸ THUẬT SƠ CỨU VẾT THƯƠNG Ở ĐẦU**

**VÀ TIẾN HÀNH BĂNG VẾT THƯƠNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP 2 CUỘN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | **Thành thạo** | **Có làm** | **Không làm** |
| **I** | **CHUẨN BỊ** |  |  |  |
|  | Chuẩn bị dụng cụ: hộp cứu thương   * + Hộp sơ cứu (kẹp Kocher hoặc kẹp phẫu tích, kéo, băng, gạc miếng, gạc củ ấu, bát kền đựng dung dịch). * Dụng cụ khác: khay hạt đậu, phiếu chuyển thương, băng dính hoặc kim băng, găng tay, NaCl 0,9%. |  |  |  |
| **II** | **TIẾN HÀNH KỸ THUẬT** |  |  |  |
|  | Động viên, an ủi, để nạn nhân ở tư thế thích hợp  Nhận định tình trạng nạn nhân |  |  |  |
|  | ĐD đứng trước nạn nhân - quan sát, đánh giá vết thương, đi găng. |  |  |  |
|  | Sơ cứu vết thương: cắt tóc vùng có vết thương, lau xung quanh vết thương (rửa vết thương nếu cần), thấm khô, đặt gạc kín vết thương. |  |  |  |
|  | Băng 2 vòng ngang trán - dưới ụ chẩm |  |  |  |
|  | Băng từ trán qua đỉnh đầu xuống gáy rồi từ gáy lên trán và toả sang 2 bên, đường băng sau đè lên 1/2 hoặc 1/3 đường băng trước. |  |  |  |
|  | Tiếp tục băng như trên, băng kín vết thương (không băng đè lên tai) |  |  |  |
|  | Băng 2 vòng quanh đầu cố định (cố định đầu băng bằng băng dính, kim băng hoặc buộc). |  |  |  |
|  | Theo dõi lưu thông máu dưới vị trí băng (hỏi, quan sát và kiểm tra).  Đánh giá lại tình trạng nạn nhân sau khi thực hiện KT |  |  |  |
|  | Viết phiếu chuyển thương, chuyển NN lên tuyến trên |  |  |  |

**BẢNG KIỂM**

**KT SƠ CỨU VẾT THƯƠNG Ở 5 NGÓN TAY**

**& TIẾN HÀNH BĂNG VẾT THƯƠNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | **Thành thạo** | **Có làm** | **Không**  **làm** |
| **I** | **CHUẨN BỊ** |  |  |  |
|  | Chuẩn bị dụng cụ: hộp cứu thương   * Hộp sơ cứu (kẹp Kocher hoặc kẹp phẫu tích, kéo, băng, gạc miếng, gạc củ ấu, bát đựng dung dịch) * Dụng cụ khác: khay hạt đậu, phiếu chuyển thương, băng dính hoặc kim băng, găng tay, NaCl 0,9%. |  |  |  |
| **II** | **TIẾN HÀNH KỸ THUẬT** |  |  |  |
|  | Động viên, an ủi , để nạn nhân ở tư thế thích hợp  Nhận định tình trạng nạn nhân |  |  |  |
|  | Quan sát, đánh giá vết thương, đi găng |  |  |  |
|  | Sơ cứu vết thương: lau xung quanh vết thương (rửa vết thương nếu cần), thấm khô, đặt gạc kín vết thương |  |  |  |
|  | Băng 2 vòng cố định ở cổ tay |  |  |  |
|  | Băng ngón đầu tiên:   * Băng từ mu bàn tay trái đến gốc ngón út (nếu vết thương ở bàn tay trái), băng từ mu bàn tay phải đến gốc ngón cái (nếu vết thương ở bàn tay phải) băng hình rắn quấn đến đầu ngón tay rồi cuộn 1 vòng * Băng xoáy ốc về đến gốc ngón rồi lại trở về mu bàn tay |  |  |  |
|  | Băng các ngón tiếp theo:  Ngón thứ 2 (băng giống ngón đầu tiên) |  |  |  |
|  | Ngón thứ 3 (băng giống ngón đầu tiên) |  |  |  |
|  | Ngón thứ 4 (băng giống ngón đầu tiên) |  |  |  |
|  | Ngón thứ 5 (băng giống ngón đầu tiên) |  |  |  |
|  | Cố định đầu băng: kết thúc bằng 2 vòng cố định ở cổ tay (cố định đầu băng bằng băng dính, kim băng hoặc buộc) |  |  |  |
|  | Theo dõi lưu thông máu dưới vị trí băng (hỏi, quan sát và kiểm tra).  Đánh giá lại tình trạng nạn nhân sau khi thực hiện KT |  |  |  |
|  | Viết phiếu chuyển thương, chuyển NN lên tuyến trên |  |  |  |

**BẢNG KIỂM**

**KT SƠ CỨU VẾT THƯƠNG Ở BÀN TAY VÀ**

**BĂNG KÍN BÀN TAY KIỂU SỐ 8**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | **Thành thạo** | **Có làm** | **Không**  **làm** |
| **I** | **CHUẨN BỊ** |  |  |  |
|  | Chuẩn bị dụng cụ: hộp cứu thương   * Hộp sơ cứu (kẹp Kocher hoặc kẹp phẫu tích, kéo, băng, gạc miếng, gạc củ ấu, bát đựng dung dịch) * Dụng cụ khác: khay hạt đậu, phiếu chuyển thương, băng dính hoặc kim băng, găng tay, NaCl 0,9%. |  |  |  |
| **II** | **TIẾN HÀNH KỸ THUẬT** |  |  |  |
|  | Động viên, an ủi, để nạn nhân ở tư thế thích hợp  Nhận định tình trạng nạn nhân |  |  |  |
|  | Quan sát, đánh giá vết thương, đi găng |  |  |  |
|  | Sơ cứu vết thương: lau xung quanh vết thương (rửa vết thương nếu cần), thấm khô, đặt gạc kín vết thương |  |  |  |
|  | Băng kín 4 ngón: băng đầu các ngón tay theo cách băng vòng gấp lại từ mu ngón tay sang lòng ngón tay, băng từ giữa sang 2 bên, băng gập 2 - 3 lần vòng sau đè lên vòng trước 1/2 hoặc 2/3 |  |  |  |
|  | Băng một vòng cố định phía dưới phần vừa băng |  |  |  |
|  | Băng bàn tay: tiếp tục băng số 8 từ trên xuống, băng kín bàn tay |  |  |  |
|  | Băng 2 vòng cố định ở cổ tay, cố định đầu băng bằng băng dính hoặc kim băng |  |  |  |
|  | Băng ngón cái: Băng rắn cuốn từ gốc ngón tới đầu ngón (hở đầu ngón), từ đầu ngón băng số 8 tới gốc, vòng sau đè lên vòng trước 1/2 hoặc 2/3, băng kín ngón |  |  |  |
|  | Cố định đầu băng bằng băng dính hoặc kim băng |  |  |  |
|  | Theo dõi lưu thông máu dưới vị trí băng (hỏi, quan sát và kiểm tra).  Đánh giá lại tình trạng nạn nhân sau khi thực hiện KT |  |  |  |
|  | Viết phiếu chuyển thương, chuyển NN lên tuyến trên |  |  |  |

**KỸ THUẬT SƠ CỨU VÀ BĂNG VẾT THƯƠNG MỘT BÊN VAI**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | **Thành thạo** | **Có làm** | **Không**  **Làm** |
| **I** | **CHUẨN BỊ** |  |  |  |
|  | **Chuẩn bị dụng cụ**: hộp cứu thương   * Hộp sơ cứu (kẹp Kocher hoặc kẹp phẫu tích, kéo, băng, gạc miếng, gạc củ ấu, bát đựng dung dịch) * Dụng cụ khác: khay hạt đậu, phiếu chuyển thương, băng dính hoặc kim băng, găng tay, NaCl 0,9%. |  |  |  |
| **II** | **TIẾN HÀNH KỸ THUẬT** |  |  |  |
|  | Động viên, an ủi nạn, để nạn nhân ở tư thế thích hợp.  Nhận định tình trạng nạn nhân |  |  |  |
|  | Quan sát, nhận định, đánh giá vết thương, đi găng |  |  |  |
|  | Sơ cứu vết thương: lau xung quanh vết thương (rửa vết thương nếu cần), thấm khô, đặt gạc kín VT. |  |  |  |
|  | Băng 2 vòng cố định cánh tay sát nách bên vai bị thương |  |  |  |
|  | Băng vòng đầu tiên: vòng qua ngực (nếu vai phải bị thương), vòng qua sau lưng (nếu vai trái bị thương) luồn dưới nách bên kia qua lưng (hoặc ngực) về vai bị thương – bảo nạn nhân hít vào. |  |  |  |
|  | Băng các vòng tiếp theo: băng vòng sau đè lên vòng trước 1/2 hoặc 2/3, băng kín vùng bị thương ở vai |  |  |  |
|  | Cố định đầu băng bằng băng dính hoặc kim băng |  |  |  |
|  | Theo dõi lưu thông máu dưới vị trí băng (hỏi, quan sát và kiểm tra).  Đánh giá lại tình trạng nạn nhân sau khi thực hiện KT |  |  |  |
|  | Viết phiếu chuyển thương, chuyển NN lên tuyến trên |  |  |  |

QUY TRÌNH: KỸ THUẬT SƠ CỨU VẾT THƯƠNG Ở ĐẦU- BĂNG VẾT THƯƠNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP 2 CUỘN

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | **MỤC ĐÍCH - Ý NGHĨA** | **TIÊU CHUẨN PHẢI ĐẠT** |
| **I** | **CHUẨN BỊ** |  |  |
| 1 | **Chuẩn bị dụng cụ:** hộp cứu thương   * + Hộp sơ cứu (kẹp Kocher hoặc kẹp phẫu tích, kéo, băng, gạc miếng, gạc củ ấu, bátkền đựng dung dịch). * Dụng cụ khác: khay hạt đậu, phiếu chuyển thương, băng dính hoặc kim băng, găng tay, NaCl 0,9%. | Lựa chọn được dụng cụ phù hợp với các loại vết thương và vị trí băng bó.  Tiến hành được thuận lợi, an toàn cho NB | Có đầy đủ dụng cụ, bông băng gạc phù hợp với vết thương.  Bông, băng gạc đảm bảo vô khuẩn.  Băng cuộn kích cỡ 5-6 cm, chiều dài 6m – 8m |
| **II** | **TIẾN HÀNH KỸ THUẬT** |  |  |
| 1. | Chuẩn bị tư thế nạn nhân: Để nạn nhân ở tư thế thích hợp (ngồi ghế có lưng tựa) | Chuẩn bị tư thế nạn nhân thích hợp giúp cho nạn nhân được an toàn, thủ thuật tiến hành được thuận lợi. | NN yên tâm và hợp tác trong suốt quá trình làm KT  NN nằm hoặc ngồi trên ghế có tựa lưng. |
| 2. | Xác định vị trívết thương: ĐD đứng trước nạn nhân - quan sát, đánh giá vết thương. | ĐD có thể đánh giá được vết thương.  Nhận định và đưa ra phương pháp chăm sóc thích hợp | ĐD xác định được vị trí tổn thương.  ĐD tiến hành được kỹ thuật an toàn, nhanh chóng. |
| 3. | Sơ cứu vết thương: cắt tóc vùng có vết thương, lau xung quanh vết thương (rửa vết thương nếu cần), thấm khô, đặt gạc kín vết thương. | Làm sạch vết thương  Bộc lộ vết thương | Cắt tóc xung quanh vị trí vết thương.  Rửa vết thương sạch sẽ đảm bảo không có đất, cát trên bề mặt VT |
| 4. | Băng 2 vòng ngang trán - dưới ụ chẩm | Cố định đường băng trên đầu. | Không được băng quá chặt hoặc quá lỏng.  Phía trước: Băng ngang trán, trên 2 cung lông mày  Phía sau: Băng dưới ụ chẩm |
| 5. | Băng toả kín vết thương và kín đầu:Băng từ trán qua đỉnh đầu xuống gáy rồi từ gáy lên trán và toả sang 2 bên cho đến kín hết vết thương, kín đầu, đường băng sau đè lên 1/2 hoặc 2/3 đường băng trước. | Băng kín vết thương  Đảm bảo ép chặt và cầm máu tại vết thương. | Băng theo kiểu băng hồi quy.  Băng chặt vừa phải, vòng sau đè lên từ ½ đến 2/3 vòng trước, không băng đè lên tai  Cuộn băng từ trái sang phải thì băng xung quanh trán để cố định.  Cuộn băng từ phải sang trái sẽ băng hồi quy ở giữa đỉnh đầu và lan sang 2 bên. |
| 6. | Băng 2 vòng quanh đầu cố định:cố định đầu băng bằng băng dính, kim băng hoặc buộc | Cố định đường băng ngang trán.  Tránh làm tuột đường băng. | Băng 2 vòng khóa trước trán. Không được cố định ở sau gáy.  Cuộn băng sau khi cố định phải được gắn chặt ở trước trán. |
| 7. | Theo dõi lưu thông máu dưới vị trí băng(bằng cách hỏi, quan sát và kiểm tra). | Đánh giá nạn nhân sau khi băng.  Xem lại băng có chặt quá không? | Hỏi NN xem băng có chặt không?  ĐD dùng 1 ngón tay đút lọt dưới vị trí băng.  Cầm được máu trên bề mặt vết thương |
| 8. | Đánh giá lại tình trạng nạn nhân sau khi thực hiện KT | Đảm bảo tính an toàn cho nạn nhân, phát hiện các tai biến hoặc diễn biến bất thường của NN | Nhận định sơ bộ tình trạng toàn thân và tại chỗ: ý thức, vùng băng vết thương.  NN không cảm thấy chặt, tức tại vùng băng. |
| 9. | Dặn dò nạn nhân | Theo dõi sát ý thức, tình trạng chảy máu tại vết thương | Giúp nạn nhân về tư thế thoải mái.  Hướng dẫn nạn nhân phát hiện sớm tai biến đảm bảo tính an toàn cho NN |
| 10. | Viết phiếu chuyển thương | Biết được thông tin NN  Đánh giá tình trạng nạn nhân trước khi chuyển | Ghi rõ đã xử trí những gì  Chuyển NN lên tuyến trên an toàn |
| 11. | Thu dọn dụng cụ | Đảm bảo gọn gàng, tránh thất thoát dụng cụ, phòng tránh lây nhiễm. | Gọn gàng, đúng vị trí, phân loại rác thải đúng quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn |
| 12. | Rửa tay nội khoa | Tránh lây nhiễm cho nhân viên y tế và cho người bệnh | Đúng và đủ quy trình 6 bước |

QUY TRÌNH: KỸ THUẬT SƠ CỨU VẾT THƯƠNG Ở 5 NGÓN TAY- TIẾN HÀNH BĂNG VẾT THƯƠNG

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | **MỤC ĐÍCH - Ý NGHĨA** | **TIÊU CHUẨN PHẢI ĐẠT** |
| **I** | **CHUẨN BỊ** |  |  |
| 1. | **Chuẩn bị dụng cụ:** hộp cứu thương   * + Hộp sơ cứu (kẹp Kocher hoặc kẹp phẫu tích, kéo, băng, gạc miếng, gạc củ ấu, bátkền đựng dung dịch). * Dụng cụ khác: khay hạt đậu, phiếu chuyển thương, băng dính hoặc kim băng, găng tay, NaCl 0,9%. | Lựa chọn được dụng cụ phù hợp với các loại vết thương và vị trí băng bó.  Tiến hành được thuận lợi, an toàn cho NN | Có đầy đủ dụng cụ, bông băng gạc phù hợp với vết thương.  Bông, băng gạc dung dịch rửa vết thương đảm bảo vô khuẩn.  Băng cuộn kích cỡ 2 - 3cm chiều dài 3m – 5m. |
| **II** | **TIẾN HÀNH KỸ THUẬT** |  |  |
| 1 | **Chuẩn bị tư thế nạn nhân**: Để nạn nhân ở tư thế thích hợp (ngồi ghế có lưng tựa) | Chuẩn bị tư thế nạn nhân thích hợp giúp cho NN được an toàn, thủ thuật tiến hành được thuận lợi. | NN yên tâm và hợp tác trong suốt quá trình làm kỹ thuật.  NN nằm hoặc ngồi trên ghế có tựa lưng. |
| 2 | **Xác định vị trí vết thương:** ĐD đứng trước nạn nhân - quan sát, đánh giá vết thương, đi găng. | ĐD có thể đánh giá được vết thương  Nhận định và đưa ra phương pháp chăm sóc thích hợp | ĐD xác định được vị trí tổn thương  ĐD tiến hành được kỹ thuật an toàn, nhanh chóng |
| 3 | **Sơ cứu vết thương:**  Lau xung quanh vết thương (rửa vết thương nếu cần), thấm khô, đặt gạc kín vết thương. | Làm sạch vết thương  Bộc lộ vết thương | Rửa nhẹ nhàng từng ngón tay chú ý khe kẽ ngón tay.  Rửa vết thương sạch sẽ đảm bảo không có đất, cát trên bề mặt VT  Đặt gạc tách rời từng ngón tay. |
| 4 | Băng 2 vòng cố định ở sát cổ tay | Cố định băng trên tay tránh bị tuột băng. | Không được băng quá chặt hoặc quá lỏng |
| 5 | **Băng ngón đầu tiên**:  Băng từ mu bàn tay trái đến gốc ngón út (nếu vết thương ở bàn tay trái), băng từ mu bàn tay phải đến gốc ngón cái (nếu vết thương ở bàn tay phải)  Băng hình rắn quấn từ gốc ngón tay đến đầu ngón tay rồi cuộn 1 vòng sau đó băng xoáy ốc từ đầu ngón tay về đến gốc ngón và trở về mu bàn tay. | Băng kín vết thương  Đảm bảo ép chặt vào vết thương | Băng theo kiểu băng rắn quấn để giữ gạc sau đó băng xoáy ốc từ đầu ngón tay xuống gốc ngón.  Băng chặt vừa phải, vòng sau đè lên từ ½ đến 2/3 vòng trước  Để hở đầu ngón tay để theo dõi lưu thông máu. |
| 6 | Băng các ngón tiếp theo:  Ngón thứ 2 (băng giống ngón đầu tiên) | Che kín vết thương, thấm hút dịch máu, mủ. | Không được băng quá chặt  Băng tách riêng từng ngón tay.  Hở đầu ngón tay để theo dõi lưu thông máu |
| 7 | Ngón thứ 3 (băng giống ngón đầu tiên) | Che kín vết thương, thấm hút dịch máu, mủ. | Không được băng quá chặt  Băng tách riêng từng ngón tay.  Hở đầu ngón tay để theo dõi lưu thông máu |
| 8 | Ngón thứ 4 (băng giống ngón đầu tiên) | Che kín vết thương, thấm hút dịch máu, mủ. | Không được băng quá chặt  Băng tách riêng từng ngón tay.  Hở đầu ngón tay để theo dõi lưu thông máu |
| 9 | Ngón thứ 5 (băng giống ngón đầu tiên) | Che kín vết thương, thấm hút dịch máu, mủ | Không được băng quá chặt  Hở đầu ngón tay để theo dõi lưu thông máu |
| 10 | Cố định đầu băng: kết thúc bằng 2 vòng cố định ở cổ tay (cố định đầu băng bằng băng dính, kim băng hoặc buộc) | Cố định đường băng tránh làm tuột băng. | Băng vòng khóa cố định ở cổ tay  Dán băng dính hoặc gài kim băng |
| 11 | Đánh giá lại tình trạng nạn nhân sau khi thực hiện KT | Đảm bảo tính an toàn cho người bệnh, phát hiện các tai biến hoặc diễn biến bất thường của NN | Nhận định sơ bộ tình trạng toàn thân và tại chỗ: vùng băng vết thương.  NN không cảm thấy chặt và tê tay. |
| 12 | Dặn dò nạn nhân | Theo dõi sát ý thức, tình trạng chảy máu vết thương | Giúp người bệnh về tư thế thoải mái  Hướng dẫn nạn nhân phát hiện sớm tai biến, đảm bảo tính an toàn cho NN |
| 13 | Viết phiếu chuyển thương | Biết được thông tin NN  Đánh giá tình trạng nạn nhân trước khi chuyển | Ghi rõ đã xử trí những gì  Chuyển NN lên tuyến trên an toàn |
| 14 | Thu dọn dụng cụ | Đảm bảo gọn gàng, tránh thất thoát dụng cụ, phòng tránh lây nhiễm | Gọn gàng, đúng vị trí, đúng quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn |
| 15 | Rửa tay nội khoa | Tránh lây nhiễm cho nhân viên y tế và cho người bệnh | Đúng quy trình và đủ 6 bước |

QUY TRÌNH: KỸ THUẬT SƠ CỨU VẾT THƯƠNG Ở BÀN TAY- BĂNG KÍN BÀN TAY KIỂU SỐ 8

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | **MỤC ĐÍCH - Ý NGHĨA** | **TIÊU CHUẨN PHẢI ĐẠT** |
| **I** | **CHUẨN BỊ** |  |  |
| 1. | **Chuẩn bị dụng cụ:** hộp cứu thương   * + Hộp sơ cứu (kẹp Kocher hoặc kẹp phẫu tích, kéo, băng, gạc miếng, gạc củ ấu, bát kền đựng dung dịch). * Dụng cụ khác: khay hạt đậu, phiếu chuyển thương, băng dính hoặc kim băng, găng tay, NaCl 0,9%. | Lựa chọn được dụng cụ phù hợp với các loại vết thương và vị trí băng bó.  Tiến hành được thuận lợi, an toàn cho nạn nhân. | Có đầy đủ dụng cụ, bông băng gạc phù hợp với vết thương.  Bông, băng gạc và dung dịch rửa vết thương đảm bảo vô khuẩn.  Băng cuộn kích cỡ: 4- 5cm, 2 - 3cm, chiều dài 3m – 5m |
| **II** | **TIẾN HÀNH KỸ THUẬT** |  |  |
| 1 | **Chuẩn bị tư thế nạn nhân:**  Để nạn nhân ở tư thế thích hợp (ngồi ghế có lưng tựa) | Chuẩn bị tư thế người bệnh thích hợp giúp cho người bệnh được an toàn, thủ thuật tiến hành được thuận lợi. | NN yên tâm và hợp tác trong suốt quá trình làm KT  NN nằm hoặc ngồi trên ghế có tựa lưng. |
| 2 | **Xác định vị trí vết thương:** ĐD đứng trước nạn nhân - quan sát, đánh giá vết thương, đi găng. | ĐD có thể đánh giá được vết thương  Nhận định và đưa ra phương pháp chăm sóc thích hợp | ĐD xác định được vị trí tổn thương  ĐD tiến hành được kỹ thuật an toàn, nhanh chóng |
| 3 | **Sơ cứu vết thương:**  Lau xung quanh vết thương (rửa vết thương nếu cần), thấm khô, đặt gạc kín vết thương. | Làm sạch vết thương  Bộc lộ vết thương | Rửa nhẹ nhàng vùng tổn thương ở bàn tay, chú ý phần khe kẽ ngón tay.  Không nên cố tách riêng từng ngón tay.  Rửa vết thương sạch sẽ đảm bảo không có đất, cát trên bề mặt VT  Đặt gạc phủ kín bàn tay, không đặt tách riêng từng ngón. |
| 4 | **Băng kín 4 ngón:**  Băng đầu các ngón tay theo cách băng vòng gấp lại từ mu ngón tay sang lòng ngón tay, băng từ giữa sang 2 bên, băng gập 2 - 3 lần vòng sau đè lên vòng trước 1/2 hoặc 2/3 | Băng hồi quy từ giữa các đầu ngón tay sang 2 bên.  Băng ép gạc vào vùng tổn thương đầu ngón tay để cầm máu và cố định vết thương. | Áp dụng kiểu băng hồi quy  Đảm bảo che kín cả bàn tay, không được băng tách riêng các ngón |
| 5 | Băng một vòng cố định phía dưới phần vừa băng | Cố định chặt các vòng của băng hồi quy | Áp dụng kiểu băng vòng khóa ở gốc các ngón tay. |
| 6 | Băng bàn tay: tiếp tục băng số 8 từ trên xuống, băng kín bàn tay | Che kín mu bàn tay  Băng ép chặt gạc vào vết thương để cầm máu. | Áp dụng kiểu băng số 8 từ gốc ngón tay đến cổ tay. |
| 7 | Băng 2 vòng cố định ở cổ tay, cố định đầu băng bằng băng dính hoặc kim băng | Cố định đường băng khi kết thúc băng | Băng vòng khóa: cố định sát cổ tay |
| 8 | Băng ngón cái: Băng rắn cuốn từ gốc ngón tới đầu ngón (hở đầu ngón), từ đầu ngón băng số 8 tới gốc, vòng sau đè lên vòng trước 1/2 hoặc 2/3, băng kín ngón | Cố định ngón cái tránh di lệch.  Để ngón cái ở tư thế cơ năng | Áp dụng kiểu băng rắn quấn và số 8  Không được băng quá chặt  Hở đầu ngón tay để theo dõi lưu thông máu |
| 9 | Cố định đầu băng bằng băng dính hoặc kim băng | Cố định chắc đường băng | Băng vòng khóa cố định tại cổ tay, dán băng dính hoặc gài kim băng.  Không được cố định lên vết thương, đầu xương. |
| 10 | Theo dõi lưu thông máu dưới vị trí băng(hỏi, quan sát và kiểm tra).  Đánh giá lại tình trạng nạn nhân sau khi thực hiện KT | Xem có chặt không  Đảm bảo tính an toàn cho người bệnh, phát hiện các tai biến hoặc diễn biến bất thường của NB | Nhận định sơ bộ tình trạng toàn thân và tại chỗ: ý thức, vùng băng vết thương  NN không cảm thấy chặt hay đau tức tại vùng băng. |
| 11 | Dặn dò người bệnh | Theo dõi sát ý thức, tình trạng chảy máu vết thương | Giúp NN về tư thế thoải mái  Hướng dẫn NN phát hiện sớm tai biến, đảm bảo an toàn cho NN |
| 12 | Viết phiếu chuyển thương | Biết được thông tin NN  Đánh giá tình trạng nạn nhân trước khi chuyển | Ghi rõ đã xử trí những gì  Chuyển NN lên tuyến trên an toàn |
| 13 | Thu dọn dụng cụ | Đảm bảo gọn gàng, tránh thất thoát dụng cụ, phòng tránh lây nhiễm | Gọn gàng, đúng vị trí, phân loại rác đúng quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn |
| 14 | Rửa tay nội khoa | Tránh lây nhiễm cho nhân viên y tế và cho người bệnh | Đúng quy trình và đủ 6 bước |

QUY TRÌNH: KỸ THUẬT SƠ CỨU VẾT THƯƠNG Ở VAI - TIẾN HÀNH BĂNG KÍN VẾT THƯƠNG Ở MỘT BÊN VAI

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | **MỤC ĐÍCH - Ý NGHĨA** | **TIÊU CHUẨN PHẢI ĐẠT** |
| **I** | **CHUẨN BỊ** |  |  |
| 1 | **Chuẩn bị dụng cụ:** hộp cứu thương   * + Hộp sơ cứu (kẹp Kocher hoặc kẹp phẫu tích, kéo, băng, gạc miếng, gạc củ ấu, bátkền đựng dung dịch). * Dụng cụ khác: khay hạt đậu, phiếu chuyển thương, băng dính hoặc kim băng, găng tay, NaCl 0,9%. | Lựa chọn được dụng cụ phù hợp với các loại vết thương và vị trí băng bó.  Tiến hành được thuận lợi, an toàn cho NB | Có đầy đủ dụng cụ, bông băng gạc phù hợp với vết thương.  Bông băng gạc đảm bảo vô khuẩn  Băng cuộn kích cỡ: 6- 7cm, chiều dài 8m – 10m. |
| **II** | **TIẾN HÀNH KỸ THUẬT** |  |  |
| 1 | **Chuẩn bị tư thế nạn nhân:**  Để nạn nhân ở tư thế thích hợp (ngồi ghế có lưng tựa) | Chuẩn bị tư thế nạn nhân thích hợp giúp cho người bệnh được an toàn, thủ thuật tiến hành được thuận lợi. | NN yên tâm và hợp tác trong suốt quá trình làm KT  NN nằm hoặc ngồi trên ghế có tựa lưng. |
| 2 | **Xác định vị trí vết thương:**  ĐD đứng trước nạn nhân - quan sát, đánh giá vết thương, đi găng, bộc lộ vết thương. | ĐD có thể đánh giá được vết thương  Nhận định và đưa ra phương pháp chăm sóc thích hợp  Bộc lộ được vết thương. | ĐD xác định được vị trí tổn thương, ngoài vết thương ở vai thì NN có các vết thương ở ngực không?  Dùng kéo cắt áo bên bị thương, không cố cởi áo. |
| 3 | **Sơ cứu vết thương:**  Lau xung quanh vết thương (rửa vết thương nếu cần), thấm khô, đặt gạc kín vết thương. | Làm sạch vết thương  Tránh nhiễm khuẩn | Rửa nhẹ nhàng vùng tổn thương ở vai, chú ý xem có gãy xương không?  Không nên vận động nhiều vùng khớp vai.  Rửa vết thương sạch sẽ đảm bảo không có đất, cát trên bề mặt VT  Đặt gạc phủ kín vết thương. |
| 4 | Băng 2 vòng cố định cánh tay sát nách bên vai bị thương | Giữ đường băng chặt trên tay | Băng vòng khóa cố định sát hõm nách |
| 5 | **Băng vòng đầu tiên:**  Băng vòng qua ngực (nếu vai phải bị thương), vòng qua sau lưng (nếu vai trái bị thương) luồn dưới nách bên kia qua lưng (hoặc ngực) về vai bị thương – bảo nạn nhân hít vào | Vai phải băng qua ngực  Vai trái băng qua lưng | Khi vòng đầu tiên qua ngực bảo NN hít tối đa |
| 6 | Băng các vòng tiếp theo: băng vòng sau đè lên vòng trước 1/2 hoặc 2/3, băng kín vùng bị thương ở vai | Để đảm bảo che kín VT | Áp dụng băng số 8 |
| 7 | Cố định đầu băng bằng băng dính hoặc kim băng | Cố định băng trên cơ thể NN | Băng vòng khóa cố định ở cánh tay hoặc cố định trước ngực.  Không được cố định trên VT, hõm nách hoặc sau vai. |
| 8 | Theo dõi lưu thông máu dưới vị trí băng(hỏi, quan sát và kiểm tra).  Đánh giá lại tình trạng nạn nhân sau khi thực hiện KT | Xem có chặt hay không?  Phát hiện các tai biến hoặc diễn biến bất thường. | Kiểm tra tay bên băng  NN không bị tê tay, không thấy chặt  Nhận định sơ bộ tình trạng toàn thân và tại chỗ: ý thức, vùng băng vết thương |
| 9 | Dặn dò người bệnh | Theo dõi sát ý thức, tình trạng chảy máu vết thương | Giúp người bệnh về tư thế thoải mái  Hướng dẫn người bệnh phát hiện sớm tai biến đảm bảo an toàn cho người bệnh |
| 12 | Viết phiếu chuyển thương | Biết được thông tin NN  Đánh giá tình trạng nạn nhân trước khi chuyển | Ghi rõ đã xử trí những gì  Chuyển NN lên tuyến trên an toàn |
| 13 | Thu dọn dụng cụ | Đảm bảo gọn gàng, tránh thất thoát dụng cụ, phòng tránh lây nhiễm | Gọn gàng, đúng vị trí, đúng quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn |
| 14 | Rửa tay nội khoa | Tránh lây nhiễm cho nhân viên y tế và cho người bệnh | Đúng quy trình và đủ 6 bước |